CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
C34/1 đường 2G, KCN Vĩnh Lộc, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84.8.7652464– 7652465 – 7652466, Fax: 84.8.7653275
E-mail:info@vietnhat.com - website: www.vietnhat.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT NĂM 2012

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Công ty TNHH SX TM XNK Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4102003205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 19/12/2000. Ngày 10/05/2007 đăng ký lần đầu, chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật. Ngày 07/03/2013 đăng ký thay đổi lần thứ 6, mã số doanh nghiệp: 0302207804.

- Vốn điều lệ : 86.800.000.000 đ (Tám mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 80.230.710.000 đ (Tám mươi tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

- Địa chỉ: C34/1 đường số 2G, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TPHCM, Việt Nam.

- Điện thoại: 083.7652466. Fax: 083.7653275

- Website: www.vietnhat.com.

- Mã cổ phiếu: VNH.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 2002, Việt Nhật bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh xuất khẩu với nhà xưởng 3.500m^2 và 02 dây chuyền sản xuất. Sản phẩm chủ yếu của Công ty trong giai đoạn này là bạch tuộc. Các mặt hàng xuất khẩu chỉ ở dạng nguyên liệu đã qua sơ chế, giá trị xuất khẩu còn thấp.

- Năm 2007, Việt Nhật mở rộng chế biến nhiều loại thủy hải sản như tôm, mực, cá, ghẹ, nghêu… và cũng chuyển dần sang sản xuất các sản phẩm đã chế biến, có giá trị gia tăng cao hơn. Hiện nay, Việt Nhật đã có danh mục sản phẩm chế biến lên tới gần 100 mặt hàng và phục vụ hoàn toàn cho thị trường xuất khẩu.

- Tháng 05/2007, để phát triển hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao công tác quản lý và sản xuất, Việt Nhật tiến hành đăng ký chuyển đổi hình thức kinh doanh từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 25 tỷ đồng. Sau đó, Công ty huy động thêm vốn từ các cổ đông, đổi tên mới là Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật và đăng ký vốn điều lệ mới là 86,8 tỷ đồng.

- Ngày 08/04/2010, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật (Việt Nhật) chính thức niêm yết 8.023.071 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) theo Quyết định niêm yết số 62/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM cấp ngày 02/04/2010 với một số thông tin như sau:

- Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
- Mã chứng khoán: **VNH**
- Mã ISIN: **VN000000VNH8**
- Mệnh giá cổ phiếu: **10.000 đồng** (Mười nghìn đồng);
- Số lượng cổ phiếu: **8.023.071 cổ phiếu** (Tám triệu không trăm hai mươi ba nghìn không trăm bảy mươi mốt cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: **80.230.710.000 đồng** (Tám mươi tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

- Ngày 22/06/2010, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật chính thức đưa vào hoạt động Công ty TNHH Một Thành Viên Đồ Hộp Phú Nhật:

- Trụ sở chính: Ấp 10, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1100790106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 01 năm 2010.
- Vốn điều lệ hiện tại : 36 tỷ đồng
- Ngành nghề kinh doanh :
  + Sản xuất thực phẩm đóng hộp.
  + Kinh doanh Thực phẩm đóng hộp.
  + Sản xuất chế biến thủy hải sản và thực phẩm.
  + Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu.
  + Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Các lĩnh vực kinh doanh được cấp phép (đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/03/2013) của công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật tại địa chỉ kinh doanh: C34/1 đường số 2G, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TPHCM, Việt Nam bao gồm:

- Sản xuất hàng hóa thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.
- Sản xuất hàng hóa nông - lâm sản .
- Sản xuất, mua bán bao bì (không in, tráng bao bì kim loại tại trụ sở).
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Bán buôn thực phẩm.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

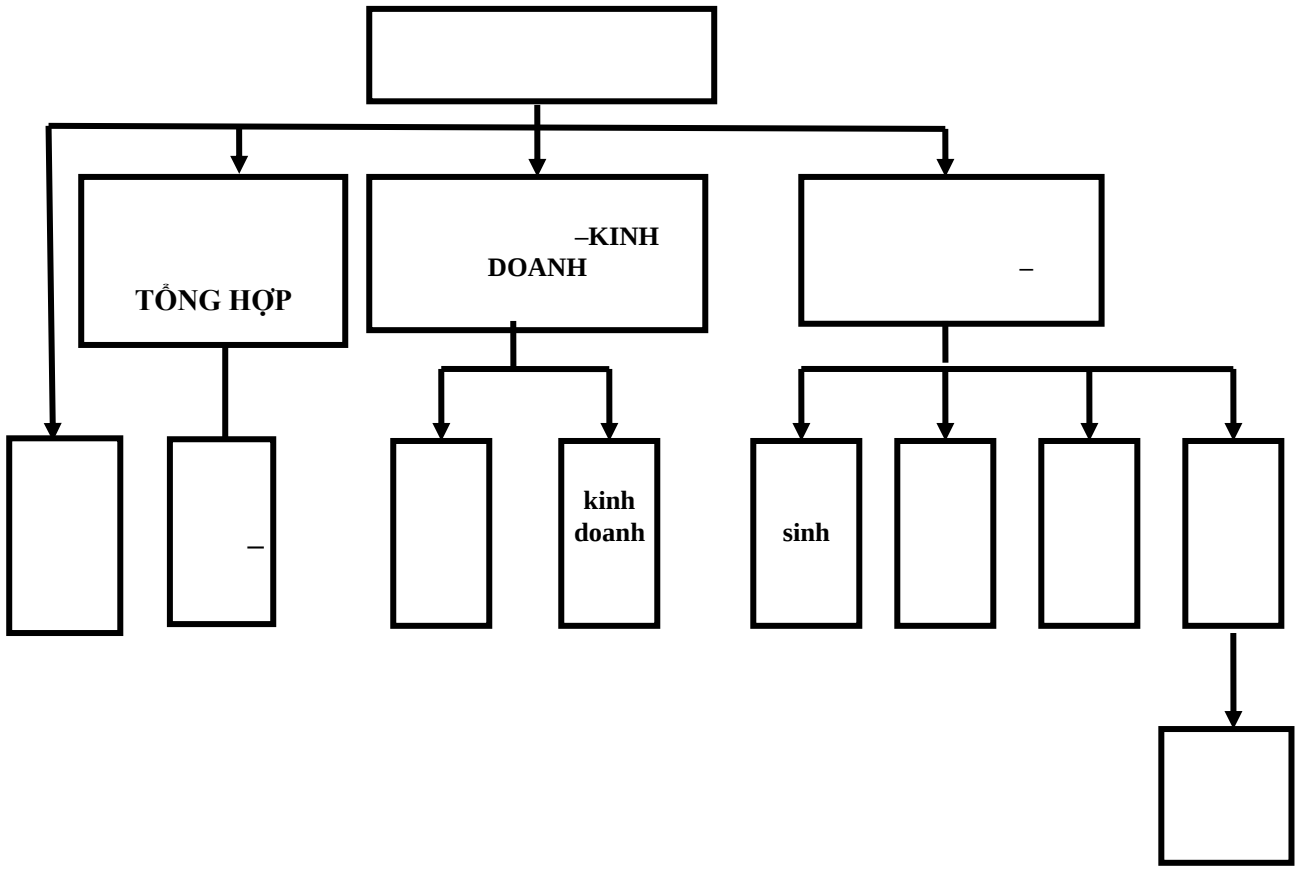

- ***Tổng giám đốc điều hành*:** do Hội đồng quản trị bầu ra thông qua Đại hội đồng cổ đông. Chịu trách nhiệm điều hành quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồn quản trị đã thông qua.

- ***Phó tổng giám đốc*:** do Tổng Giám đốc bầu ra, điều hành những công việc đã được Tổng giám đốc giao. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc điều hành về lĩnh vực được phân công.

- ***Các phòng ban*:** Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng chức năng giúp quản lý và thực hiện định h ướng, mục tiêu của công ty.

- Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật:

Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật:

- Trụ sở chính: Ấp 10, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1100790106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 01 năm 2010. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/12/2012.
- Vốn điều lệ hiện tại : 50 tỷ đồng (tăng từ 36 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng năm 2012). Trong đó công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật góp 48% tương ứng 24.000.000.000 đ (Hai mươi bốn tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh (sau thay đổi):
  + Sản xuất thực phẩm đóng hộp.
  + Sản xuất chế biến thủy hải sản và thực phẩm.
  + Sản xuất và kinh doanh đồ uống và rượu đóng chai.
  + Kinh doanh thực phẩm đóng hộp, thương mại, xuất nhập khẩu.
  + Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.

5. Định hướng phát triển:

Trong năm 2013 được dự báo là năm mà nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ còn diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, Công ty Việt Nhật định hướng phát triển lâu dài nhằm đương đầu vượt qua khó khăn, thử thách:

- Tiếp tục duy trì và phát triển thị phần ở các thị trường truyền thống : Nhật Bản, Hàn Quốc, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu cá hộp sang A Rập, Hồng Kông, Đài Loan, Tunisia....

- Chuyển hướng, tập trung đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh thương mại nông - lâm – thủy hải sản và thực phẩm chế biến.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng công tác quản lý, giám sát chặt chẽ khâu sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất.
- Sử dụng nguồn vốn lưu động hợp lý, hiệu quả, giảm lãi vay ngân hàng, giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu, cắt giảm đến mức tối thiểu những chi phí không hợp lý nhằm đạt kết quả kinh doanh cao.
- Đặc biệt tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa khâu sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm cá đóng hộp. Nâng cao giá trị thương hiệu đồ hộp AAA.

6. Các rủi ro:

Mỗi thành công cũng như thất bại, mỗi khó khăn, thử thách trải qua trong năm 2012 đúc kết thành bài học kinh nghiệm quý báu giúp công ty ngăn ngừa mọi rủi ro trong tương lai:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động sẵn có sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh (khi công ty không thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng do thắt chặt tín dụng, tăng lãi suất cho vay), không để tình trạng thiếu nguyên liệu dẫn đến giao hàng trễ.
- Tìm hiểu kỹ thị trường, khách hàng xuất khẩu nhất là đối với thị trường, khách hàng mới.
- Giám sát, kiểm tra thật chặt chẽ từ khâu thu mua nguyên vật liệu đầu vào, đảm bảo đủ, đúng chất lượng.
- Đảm bảo nguồn nguyên liệu, tồn kho hợp lý.

II. TÌNH HÌNH HỌAT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2012 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 100.089.432.238 đ. Tăng so với năm 2011 là : 11.799.384.657 đ. Tuy nhiên gía vốn hàng bán năm 2012 cao, chi phí cũng tăng do nhiều nguyên nhân như lãi vay ngân hàng cao, giá mua nguyên liệu tăng trong khi giá bán ra tăng không tương xứng, tình trạng khan hiếm nguyên liệu do nguồn tôm cung ứng của khách hàng nuôi bị chết, cá ngừ không đủ cho sản xuất, tỷ lệ nguyên liệu hao hụt cao, vượt định mức, thêm vào đó là việc hàng xuất đi Pêru bị trả về, công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Mặt khác, công ty vẫn phải tăng lương để đảm bảo đời sống cho người lao động. Công ty Phú Nhật chưa hoạt động hết công suất, xuất khẩu chưa mạnh nên vẫn còn lỗ. Chính vì vậy dẫn đến kết quả kinh doanh hợp nhất cuối năm 2012 lỗ: (9.639.179.349) đ.

So với năm 2011:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012: 100.089.432.238 đ, so với năm 2011 là: 88.290.047.581 đ, tăng : 11.799.384.657 đ. Do năm 2012 doanh thu công ty Phú Nhật tăng so với năm 2011.
- Lợi nhuận kế tóan trước thuế năm 2012: (14.194.582.247) đ, so với năm 2011: 3.316.037.656 đ, giảm 17.510.619.903 đ.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012: (9.639.179.349) đ, so với năm 2011: 1.838.979.050 đ, giảm 11.478.158.399 đ.

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TIÊU THỤ SẢN LƯƠNG NĂM 2012 (HỢP NHẤT):

Sản xuất kinh doanh xuất khẩu

Sản phẩm	**Đơn vị tính**	**Thực hiện Năm 2012**	**Kế hoạch Năm 2012**	**Thực hiện so với KH (%)**
Hàng Đông Lạnh	tấn	198	250	79
Hàng Đóng Hộp	tấn	787	1.600	49
Tổng cộng	**Tấn**	**985**	**1.850**	

Sản xuất kinh doanh nội địa

Sản phẩm	**Đơn vị tính**	**Thực hiện Năm 2012**	**Kế hoạch Năm 2012**	**Thực hiện so với KH (%)**
Thủy hải sản đông lạnh, cá hộp các loại	tấn	186	200	93
Tổng cộng	**Tấn**	**186**	**200**	**93**

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DOANH THU NĂM 2012(HỢP NHẤT)

Sản xuất kinh doanh xuất khẩu

Sản phẩm	**Đơn vị tính**	**Thực hiện Năm 2012**	**Kế hoạch Năm 2012**	**Thực hiện so với KH (%)**
Hàng Đông Lạnh	USD	1,294,730	2,000,000	65
Hàng Đóng Hộp	USD	3,095,409	5,800,000	53
Tổng cộng	**USD**	**4,390,139**	**7,800,000**	

Sản xuất kinh doanh nội địa

Sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2012	Kế hoạch Năm 2012	Thực hiện so với KH (%)
Thủy hải sản đông lạnh, cá hộp các loại	Tỷ đồng	8,5	10	85,55
Tổng cộng	Tỷ đồng	**8,5**	**10**	**85,55**

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2012 (HỢP NHẤT)

CH Ỉ TI ÊU	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2012	Kế hoạch Năm 2012	Thực hiện so với KH (%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-9.639	9.000	-107,1
Chia cổ tức	%	-12	8	-150

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Ban Tổng Giám Đốc

- Ông Nguyễn Văn Nhựt – Tổng Giám đốc (xem phần trên)
- Bà Nguyễn Thị Diệu Hương – Phó Tổng Giám đốc (xem phần trên)
- Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm – Phó Tổng Giám đốc (xem phần trên).
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Phó Tổng Giám đốc.

2.1.1 Ông Nguyễn Văn Nhựt:

- Họ và tên : Nguyễn Văn Nhựt
- Số CMND : 024804114
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1958
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Long An
- Địa chỉ thường trú : 149X/23 Tô Hiến Thành, F. 13, Q. 10, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3.7653.276
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Quản lý Kinh tế
- Quá trình công tác :
  - 1983 – 2002 : Giám đốc Công ty Thủy sản Cần Giuộc
  - 2002 – 2007 : Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
  - 2007 – nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật.
  - 2008– nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Chức vụ hiện nay: **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 4.052.299 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:
  - Trần Thị Thúy Vợ 499.500 cổ phần
  - Nguyễn Văn Triển Con 505.050 cổ phần
  - Nguyễn Văn Báu Em ruột 7.770 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: do ĐHĐCĐ hàng năm quyết định mức thù lao
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

2.1.2 Bà Nguyễn Thị Diệu Hương :

- Họ và tên : Nguyễn Thị Diệu Hương
- Số CMND : 024809354
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 1969

- Nơi sinh : Pleiku
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Nam – Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : 217 Chung cư Nhiêu Lộc A – Tân Thành, Q. Tân Phú, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3.7653.276
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy sản (ĐH Nông Lâm)

  Chứng chỉ Quản lý Chất lượng HACCP do NAFIQAD cấp

  Chứng chỉ Quản lý Chất lượng ISO do Trung tâm QUATEST 3 cấp
- Quá trình công tác :
  - 1993 – 2002 : Phó phòng KCS Công ty Cổ phần Thủy sản số 1
  - 2002 – 2005 : Phó Quản Đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
  - 2005 – 2007 : Phó Giám Đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
  - 2007 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật.
  - 2008 – nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật**
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 22.860 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: do ĐHĐCĐ hàng năm quyết định mức thù lao

- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

2.1.3 Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm:

- Họ và tên : Nguyễn Thị Hồng Gấm
- Số CMND : 301049517
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 17/06/1982
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Long An
- Địa chỉ thường trú : Ấp 2, xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3.7653.276
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  + Cử nhân Đại học Kinh Tế (chuyên nghành Kế Toán Kiểm Toán).
  + Chứng chỉ Kế toán trưởng.
  + Chứng chỉ Quản trị công ty cho các công ty Cổ phần Đại chúng.
- Quá trình công tác :
  + 2004 – 2007 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
  + 2007 – 2008 : Nhân viên kế toán công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật
  + 2008 – 2010 : Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật.
  + 2010 – đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật.

- Chức vụ hiện nay: **thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm nhân viên công bố thông tin Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật.**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 9.299 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:do ĐHĐCĐ hàng năm quyết định mức thù lao
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

2.1.4 Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy:

- Họ và Tên : Nguyễn Thị Thanh Thúy
- Số CMND : 191509316
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 26 / 8 / 1981
- Nơi sinh : TT- Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : TT – Huế
- Địa chỉ thường trú : Xóm III, Kế Sung, Phú Diên, Phú Vang, TT- Huế
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3 765 2466
- Trình độ học vấn : 12 / 12
- Trình độ chuyên môn :
  + Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản
  + Chứng chỉ quản trị công ty cho các công ty Cổ phần Đại chúng
- Quá trình công tác :
  + 2006 – 2010 : Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
  + 2010 – tháng 8 năm 2011: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh Doanh Công ty TNHH MTV Đồ hộp Phú Nhật.

+ Tháng 8 năm 2011 – tháng 01 năm 2012 : Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật.

+ Tháng 01 năm 2012– tháng 05 năm 2012: Giám đốc Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật.

+ Tháng 05 năm 2012: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật.

+ Chức vụ hiện nay : **Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, kiêm Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật.**

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 2.000 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan : không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:do ĐHĐCĐ hàng năm quyết định mức thù lao
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết : không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có.

2.2 <u>Kế tóan trưởng:</u>

- Họ và tên : Trần Công Thơ
- Số CMND : 024873240
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/12/1952
- Nơi sinh : Xã đông sơn, Huyện Đông Hưng, T.Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã đông sơn, Huyện Đông Hưng, T.Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 168, Đường số 2, P.Bình Hưng hoà B, Q. Bình Tân, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 01672509245
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Đại học Kế tooán do Trường Đại học tài chính kế toán cấp.

  Chứng chỉ Giám đốc tài chính do Viện Kế toán quản trị doanh nghiệp cấp

  Chứng chỉ Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 do Trung tâm QUATEST 3 cấp

- Quá trình công tác :
  - 1982 - 2000 : Phó phòng kế toán Công ty Than Cao Sơn
  - 2001 – đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thuỷ hải sản Việt Nhật.
- Chức vụ hiện nay: **Kế tóan trưởng Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật**
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 11.100 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:
  - Trần Công Thành: Con 04 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: tiền lương do Tổng Giám đốc quyết định.
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

2.3 <u>Những thay đổi trong Ban điều hành:</u>

Năm 2012 bầu bổ sung 01 phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh, Bà: Nguyễn Thị Thanh Thúy.

2.4 <u>Số lượng cán bộ, nhân viên, các chính sách đối với người lao động:</u>

- Số lượng cán bộ công nhân viên bình quân năm 2012: 200 người

- Thu nhập bình quân: 3.800.000 đồng/tháng

- Công ty có chính sách hỗ trợ 02 tháng tiền nhà trọ cho công nhân mới vào làm, thưởng cho công nhân đạt năng suất cao, trợ cấp thăm hỏi ốm đau, thai sản, Bảo hiểm Xã Hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp…

3. Tình hình đầu tư vào công ty liên kết:

- Tỷ lệ vốn góp của Việt Nhật vào Công ty TNHH MTV Đồ hộp Phú Nhật là 48%.

  - Tổng vốn góp của Việt Nhật vào Công ty TNHH MTV Đồ hộp Phú Nhật: 38 tỷ đồng. Trong đó:

    + Vốn Việt Nhật đầu tư là : 24 tỷ đồng.

    + Vốn Việt Nhật hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh là: 14 tỷ đồng.

  - Ngày 22 tháng 06 năm 2010 Công ty TNHH Đồ hộp Phú Nhật đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên cho đến nay, nhà máy vẫn chưa hoạt động hết công suất, chưa xuất khẩu mạnh nên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 của công ty Phú Nhật chưa đạt hiệu quả:

    + Tổng giá trị tài sản của công ty Phú Nhật năm 2012 : 96.431 triệu đồng.

    + Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 34.883 triệu đồng.

    + Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: (1.525) triệu đồng.

    + Lợi nhuận khác: (7,7) triệu đồng.

    + Lợi nhuận trước thuế : (1.533) triệu đồng.

    + Lợi nhuận sau thuế: (1.149) triệu đồng.

4. Tình hình tài chính:

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011 (hợp nhất)	Năm 2012 (hợp nhất)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	183.067	159.798	-12,71
Doanh thu thuần	Triệu đồng	88,086	94,836	+7,66
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	3.835	-14.059	-466,57
Lợi nhuận khác	Triệu	-519	-135	+74

	đồng			
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.316	-14.195	-528,06
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.839	-9.639	-624,16
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng	229	-1.201	-624,45

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	**Đơn vị**	**Năm 2011 (hợp nhất)**	**Năm 2012 (hợp nhất)**	**Ghi chú**
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	**Đơn vị**			
+ Hệ số thanh tóan ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,23	1,14	
+ Hệ số thanh tóan nhanh: TSLĐ-Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	Lần	0,63	0,78	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	**Đơn vị**			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,54	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,17	1,20	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	**Đơn vị**			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	1,31	2,25	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,48	0,59	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				

+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,1		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,2		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,0		
+ Hệ số từ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	%	4,35		

* ***Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012 của năm báo cáo***

- Vốn chủ sở hữu: 73.522.351.772 đồng

- Vốn cổ đông: 80.230.710.000 đồng

Trong đó: + Vốn góp của 3 cổ đông sáng lập 50.568.490.000 đồng

+ Vốn góp của các cổ đông khác 29.662.220.000 đồng

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Cổ phiếu thường 8.023.071

+ Cổ phiếu ưu đãi: không có

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+ Cổ phiếu phổ thông 8.023.071

+ Cổ phiếu ưu đãi: không có

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn: (1.201) đồng.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a/ Cổ phần: Tổng số cổ phần hiện đang lưu hành là 8.023.071 cổ phần. Trong đó tự do chuyển nhượng là 6.963.946 cổ phần, hạn chế chuyển nhượng là 1.059.125 cổ phần.

b/ Cơ cấu cổ đông:

- *Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên cổ phần hiện đang lưu hành*:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Số Lượng cổ phần	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Văn Nhựt	Chủ tịch HĐQT	4 052 299	50,51
2	Nguyễn Văn Triển	Cổ đông sáng lập	505 050	6,29

3	Trần Thị Thúy	Phó Chủ tịch HĐQT	499 500	6,23
Tổng Cộng:			5 056 849	63,03

Còn lại cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phần hiện đang lưu hành chiếm tỷ lệ 36,97% tương ứng sở hữu 2.966.222 cổ phần.

- *Cổ đông nước ngoài*:

Stt	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tamura Masatoshi		675/33A1 Trần Xuân Soạn, Q.7, Tp.HCM	2.220	0.028 %
2	Wataru Miyazawa		6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100	0.001%
3	Yutaka Noda		993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	100	0.001%
4	NEW-S SECURITIES CO., LTD.		EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	4.000	0.05%
5	SBI SECURITIES CO.,LTD.		6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	300	0.004%
TỔNG CỘNG				**6.720**	**0.084 %**

Còn lại cổ đông trong nước chiếm tỷ lệ 99,916% tương ứng sở hữu 8.016.351 cổ phần.

- *Cổ đông tổ chức* :

Stt	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	NEW-S SECURITIES CO., LTD.		EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	4.000	0.05%
2	SBI SECURITIES CO.,LTD.		6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	300	0.004%
TỔNG CỘNG				**4.300**	**0.054 %**

III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 :

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
	Tổng giá trị tài sản	183.067.642.410	159.798.364.092
	Doanh thu thuần	88.086.869.281	94.836.364.718
	Lợi nhuận trước thuế	3.316037.	(14.194.5

		656	82.246)
	Lợi nhuận sau thuế	1.838.979.050	(9.639.179.347)
	Tỷ lệ chia cổ tức	2.29%	(12%)

- Đánh giá : Năm 2012 là một năm cực kỳ khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

- Trong nước, hội chứng tôm chết sớm xảy ra với cả tôm thẻ chân trắng và tôm sú, nhà máy không có đủ nguyên liệu để đáp ứng hết đơn hàng, không đạt được kế hoạch doanh thu.
- Lãi suất ngân hang, chi phí đầu vào (điện, nước, nhân công, cước vận chuyển) cao khiến giá tôm xuất khẩu cao 15-25% so với một số nước Indonesia, Ấn độ … nên sản phẩm của công ty mất khả năng cạnh tranh ở thị trường xuất khẩu, đồng thời lợi nhuận giảm, hoạt động sản xuất kinh doanh không mang lại hiệu quả.
- Rào cản Ethoxyquin tại Nhật làm giá trị xuất khẩu tôm giảm mạnh, doanh thu thấp.
- Ngân hàng siết chặt tín dụng, công ty khó tiếp cận được nguồn vốn, hoạt đông sản xuất bị đình trệ, không cung cấp đủ đơn hàng cho khách, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Hàng tồn kho lâu ngày giảm giá trị, buộc công ty phải bán giá rẻ dẫn đến những khoản lỗ lớn.

Trước những khó khăn như trên, mặc dù Ban Tổng Giám Đốc đã nỗ lực hết sức để khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã không thể đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. So với năm 2011, doanh thu năm 2012 tăng 10% nhưng lợi nhuận giảm mạnh cùng với việc giảm giá hàng tồn kho đã dẫn đến khoản lỗ cuối kỳ hơn 9 tỷ đồng.

Bên cạnh những khó khăn trong năm 2012 Công ty cũng đã đạt được một số tiến bộ như sau :

- Nhà máy đồ hộp Phú Nhật được cấp Code EU : DH754 giúp công ty mở rộng được thị trường xuất khẩu sang nhiều nước và vùng lãnh thổ.
- Sản phẩm cá đóng hộp của Công ty được khách hàng đánh giá cao ở thị trường xuất khẩu lẫn nội địa.

Nhờ những tiến bộ như vậy đã giúp doanh thu của công ty không bị sụt giảm mà còn tăng trưởng 10% so với năm 2011.

2. Tình Hình Tài Chính

a. Tình hình tài sản:

Năm 2012 công ty trích lập dự phòng các khỏan phải thu khó đòi: (7.252.671.437) đ,.

Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: (3.033.946.599) đ.

Công ty bán hàng kém phẩm chất, hàng tồn kho, các hàng là đầu thừa, đuôi thẹo dư ra sau khi sản xuất xong các đơn hàng, do các hàng này là thành phẩm vụn, không đúng size cỡ nên không xuất khẩu được.

Vào ngày 31/12/2012, công ty Việt Nhật đã giảm vốn đầu tư tại công ty con(công ty Phú Nhật) và chuyển thành công ty liên kết nên trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 tổng tài sản của công ty Việt Nhật loại trừ phần tài sản của công ty Phú Nhật ra.

Vì vậy, tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2012 còn: 159.798.364.092 đ.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2012 là : 86.102.950.320 đ. Trong đó:

- Vay và nợ ngắn hạn ngân hàng là: 67.756.069.073 đ. Các khỏan vay trong năm 2012 chịu lãi suất cao, từ 14%/năm đến 17%/năm đối với các khỏan vay VND và từ 6,5%/năm đến 7,5%/năm đối với các khỏan vay USD.

- Phải trả người bán là: 9.755.151.362 đ. Đây là số phải trả phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường.

- Người mua trả trước tiền: 3.049.869.260 đ. Đây là khỏan tiền khách hàng đặt cọc trước khi mua hàng.

- Thuế và các khỏan phải nộp nhà nước: 2.535.252.558 đ.

- Các khỏan phải trả, phải nộp khác(bảo hiểm, tiền phí gia công trả cho công ty Phú Nhật): 2.403.490.216 đ.

3. Những Cải Tiến Về Cơ Cấu Tổ Chức, Chính Sách, Quản Lý:

3.1/ Về tiếp thị và bán hàng:

- Cắt giảm những hoạt động tiếp thị tốn kém chi phí, không mang lại hiệu quả.
- Cắt giảm những dòng sản phẩm không còn hiệu quả cao trong thời kỳ kinh tế khó khăn.

3.2/ Thị trường và khách hàng:

- Duy trì quan hệ hợp tác với các khách hàng chiến lược của công ty ở các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Ai Cập, Tunisia…

- Mở rộng và thiết lập được quan hệ hợp tác với các khách hàng mới và ở các thị trường mới như: Angola, Đài Loan, Libya.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu các mặt hàng mang lại hiệu quả cao hơn như Cá Đóng Hộp.

3.3/ Về sản xuất và chất lượng sản phẩm:

- Nhà máy Phú Nhật được cấp Code EU DH754.
- Duy trì quản lý tốt chất lượng sản phẩm.
- Tập trung vào những sản phẩm thế mạnh của công ty.

3.4/ Về tổ chức nhân sự:

- Cắt giảm nhân sự gián tiếp nhằm giảm chi phí
- Cơ cấu lại bộ máy quản lý và lực lượng nhân sự tinh giản, hiệu quả.

3.5/ Về kế toán tài chính:

- Rà soát và cắt giảm các loại chi phí không cần thiết, thực hành tiết kiệm để giảm giá thành các sản phẩm đầu ra. Giải quyết hàng tồn kho.

- Chuyển đổi Công ty con: Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật 100% vốn góp của Công ty thành Công ty liên kết với tỉ lệ góp vốn 48% và nâng vốn điều lệ Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật từ 36tỷ lên thành 50tỷ.

4. Kế Hoạch Phát Triển Trong Tương Lai :

- Thực hiện đầy đủ Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, các chủ trương, chiến lược và kế hoạch của Hội Đồng Quản Trị đề ra.

- Tổ chức, điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và hiệu quả.

- Quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm.

- Nghiên cứu cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất, giảm nhân công, giảm chi phí, đồng thời thực hiện chính sách tiết kiệm, quản lý tốt định mức tiêu hao nguyên vật liệu. Kiểm soát chặt chẽ hơn nữa chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu giá vốn bán hàng, sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có, tránh thất thoát, lãng phí.

- Duy trì và ổn định được đội ngũ quản lý có năng lực và tâm huyết đối với sự phát triển của công ty cũng như đội ngũ công nhân có nhận thức cao và tay nghề cao.

- Không ngừng tổ chức đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ hiện hành, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa và nâng cao nhận thức, tay nghề cho công nhân.

- Duy trì và phát triển thị phần ở các thị trường truyền thống đồng thời mở rộng thêm nhiều thị trường mới nhằm phân tán rủi ro.

- Kêu gọi sự đồng tâm, hiệp lực và sự nỗ lực hết sức của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty để khắc phục những khó khăn hiện tại và đạt được các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2013 như sau :

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2013
1	Tổng doanh thu	VNĐ	80.000.000.000
2	Tổng sản lượng	Tấn	1.500
3	Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	4.000.000.000
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2012 đã khép lại với một bức tranh buồn của toàn ngành kinh tế nói chung và của ngành thủy sản nói riêng. Nhiều doanh nghiệp thủy sản giảm công suất, ngừng hoạt động, đóng cửa hoặc phá sản, các doanh nghiệp còn lại hoạt động khá vất vả trong bối cảnh kinh tế vô cùng khó khăn vì lãi suất ngân hàng quá cao vượt quá khả năng lợi nhuận sản xuất kinh doanh ở thời gian dài, vì chính sách siết chặt tín dụng, ngân hàng giảm hạn mức nên doanh nghiệp không còn đủ nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, vì chi phí đầu vào (điện, nước, nhân công, bao bì, cước vận chuyển, phí kiểm dịch,…) tăng cao trong khi giá bán đầu ra không thể tăng tương ứng, vì thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do các nước nhập khẩu cũng chìm trong bức tranh kinh tế đầy ảm đạm và không ngừng tăng cường các rào cản kỹ thuật ngày càng khắt khe, vì nguồn nguyên liệu trong nước thiếu ổn định; tình hình dịch bệnh lan rộng (trên tôm) và chi phí sản xuất tăng cao nên diện tích nuôi bị thu hẹp, năng suất và sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản giảm.

- Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, chế biến và xuất khẩu thủy sản, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật đã không thể tránh khỏi những hệ lụy của tình hình kinh tế như trên. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty đã không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra xuất phát từ những thuận lợi và khó khăn như sau

a. <u>Thuận lợi</u> :

- Nhà máy đồ hộp Phú Nhật được cấp code EU kể từ tháng 04 / 2012 góp phần vào việc giúp Công ty mở rộng thị trường xuất khẩu sang nhiều nước và vùng lãnh thổ.
- Công ty sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng, đa dạng hóa mặt hàng nên có thể linh động ứng phó với tình hình thiếu hụt nguyên liệu ở một số thời kỳ cao điểm.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên đầy tâm huyết không ngại khó khăn, thách thức luôn đồng hành và gắn bó với Công ty.

b. <u>Khó khăn</u> :

- Ngân hàng siết chặt tín dụng, giảm hạn mức, công ty không đủ vốn xoay sở cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giao hàng trễ hạn, khách hàng từ chối nhận hàng, phải giảm giá bán dẫn đến thua lỗ.
- Bị ảnh hưởng của tình hình kinh tế khó khăn, nhiều doanh nghiệp cùng ngành phá sản, ngừng hoạt động, đóng cửa hoặc mất khả năng thanh toán, nhiều ngân hàng tìm cách rút vốn hoặc ngần ngại giao dịch với Công ty, ngay cả thương lái cũng ngại bán nguyên liệu cho nhà máy, khó khăn lại chồng chất lên khó khăn.
- Lãi suất ngân hàng , chi phí đầu vào (điện, nước, nhân công, cước vận chuyển…) quá cao, trong khi giá bán đầu ra không thể tăng theo, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn trở ngại và không có hiệu quả.
- Giải quyết hàng tồn kho lâu ngày, giá rẻ dẫn đến những khoản lỗ lớn.
- Do tình hình tài chính khó khăn, công ty không giao được hàng nên mất nhiều khách hàng, mất nhiều doanh thu và lợi nhuận.

Có thể nói, trong năm 2012 Công ty gặp ít thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn nên hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Mặc dù, doanh thu năm 2012 tăng 10% so với năm 2011 nhưng trước những khó khăn chung về đầu vào, giá vốn tăng vọt, giảm giá hàng tồn kho nên lợi nhuận gộp chỉ đạt hơn 6 tỷ đồng, không đủ bù đắp các chi phí phát sinh dẫn đến khoản lỗ hơn 9 tỷ đồng.

2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị Về Hoạt Động của Ban Tổng Giám Đốc Công Ty.

Hội Đồng Quản Trị thường xuyên chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và có đánh giá như sau :

- Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện đầy đủ Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, các chủ trương, chiến lược và kế hoạch của Hội Đồng Quản Trị đề ra.
- Chủ động, linh hoạt và nhạy bén trong công tác tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh thường ngày.
- Kịp thời báo cáo với Hội Đồng Quản Trị những khó khăn, vướng mắc để cùng trao đổi, thảo luận và tìm ra hướng khắc phúc, giải quyết sớm nhất.
- Luôn rà soát và cắt giảm các chi phí không cần thiết trong tình hình kinh tế khó khăn.
- Dự báo chính xác và phản ứng kịp thời với những khó khăn ở thị trường đầu ra, từ đó không ngừng triển khai việc mở rộng thị trường, khách hàng, cơ cấu lại các dòng sản phẩm, tập trung vào những sản phẩm thế mạnh của công ty để duy trì nguồn khách hàng và đảm bảo đầu ra ổn định.
- Gặp vướng mắc về vấn đề tài chính nên đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách trong hoạt động sản xuất kinh doanh, không đáp ứng kịp đơn hàng, giao hàng trễ hạn nên không đạt được các kế hoạch chỉ tiêu đã đề ra.

3. Các Kế Hoạch, Định Hướng Của Hội Đồng Quản Trị:

- Cơ cấu lại bộ máy hoạt động, sang nhượng tài sản ở địa chỉ C34/1 đường 2G, KCN Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh để lấy vốn ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Mở rộng hướng kinh doanh thương mại an toàn và hiệu quả. Kinh doanh thương mại đa dạng hóa ngành hàng bao gồm mua bán nông – lâm – thủy – hải sản và thực phẩm chế biến.
- Thuê lại một phân xưởng ở địa chỉ C34/1 đường 2G, KCN Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh để sản xuất các mặt hàng thủy sản đông lạnh giá trị gia tăng cao, hiệu quả cao.

- Định hướng duy trì tốt quan hệ hợp tác với các khách hàng truyền thống, khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng của Công ty. Không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Định hướng Ban Điều Hành Công ty không ngừng học hỏi, nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với thị trường, thị hiếu tiêu dùng, điều kiện kinh tế và mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Định hướng giảm thiểu các chi phí trong mọi hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội Đồng Quản Trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Điều hành công ty
1	Nguyễn Văn Nhựt	Chủ tịch HĐQT	4 052 299	Tổng GĐ
2	Trần Thị Thúy	Phó CT HĐQT	499 500	Không
3	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Thành viên HĐQT	9 299	Phó TGĐ
4	Nguyễn Thị Diệu Hương	Thành viên HĐQT	22 860	Phó TGĐ
5	Lương Công Gia	Thành viên HĐQT	11 100	Giám Đốc kế hoạch

Bà Trần Thị Thúy – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên : Trần Thị Thúy
- Số CMND : 024335348
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 1962
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 149X/23 Tô Hiến Thành, F. 13, Q. 10, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3.7653.276 (17)
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Quá trình công tác:
  - 1982 – 1998 : Nhân viên Kế hoạch Công ty Thủy hải sản Cần Giuộc
  - 1998 – 2002 : Giám đốc Công ty TNHH Nhựt Triển
  - 2002 – 2007 : Nhân viên Tài vụ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
  - 2007 – nay : Nhân viên Tài vụ Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
  - 2008 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 499.500 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:
  - Nguyễn Văn Nhựt Chồng 4.052.299 cổ phần
  - Nguyễn Văn Triển Con 505.050 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: do ĐHĐCĐ hàng năm quyết định mức thù lao
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ông Lương Công Gia – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Lương Công Gia
- Số CMND : 024739680
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1958
- Nơi sinh : Long An

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Long An
- Địa chỉ thường trú : 48/15/10B Hồ Biểu Chánh, P11, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3.7653.276
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông nghiệp (ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM)

  Nghiệp vụ Ngoại thương (Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương)

  Chứng chỉ Quản lý Chất lượng HACCP do NAFIQAD cấp

  Chứng chỉ Quản lý Chất lượng ISO do Trung tâm QUATEST 3 cấp
- Quá trình công tác :
  - 1983 – 1985 : Nhân viên Kế hoạch Sở Thủy sản Long An
  - 1985 – 1987 : Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Đước Long An
  - 1987 – 1991 : Trưởng phòng Đầu tư Nuôi trồng Công ty Thủy sản Cần Giuộc Long An
  - 1992 – 2000 : Trưởng phòng Kho lạnh – Cấp đông Công ty TNHH Hải Việt.
  - 2002 – 2007 : Phó phòng Kế hoạch Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
  - 2007 – nay : Giám đốc Kế hoạch Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật.
  - 2008 – nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kế hoạch Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 11.100 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: do ĐHĐCĐ hàng năm quyết định mức thù lao
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

b/ Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: không có.

c/ Hoạt động của Hội đồng Quản trị: họp 12 buổi

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong các trường hợp sau:

- Các thành viên họp triển khai cho công ty Việt Nhật và Phú Nhật mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước Ai Cập, Pêru, Bắc Phi... Qua đó, nghiên cứu kỹ các thị trường mới và ký kết nhiều hợp đồng xuất khẩu cá đóng hộp có giá trị lớn.
- Nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật chế biến, giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Hoàn thiện công tác kiểm toán Báo Cáo Tài Chính hợp nhất năm 2011.
- Tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2012 vào ngày 31/05/2012.
- Ký hợp đồng bán mặt hàng cá đóng lon các loại vào Metro.
- Các thành viên họp tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh năm 2012 của công ty Việt Nhật và Phú Nhật. Đề ra phương hướng, chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đưa chỉ tiêu thực hiện cho năm 2013.
- Họp bàn bạc, chấp nhận cho công ty Việt Nhật chuyển nhượng phần vốn góp 12 tỷ đồng vào công ty Phú Nhật cho cá nhân bà Trần Thị Thúy.
- Chấp thuận cho cá nhân bà Trần Thị Thúy góp vốn vào công ty Phú Nhật 26 tỷ đồng, phần vốn góp còn lại của công ty Việt Nhật vào công ty Phú Nhật là 24 tỷ đồng. Nâng tổng vốn điều lệ của công ty Phú Nhật lên 50 tỷ đồng.

d/ Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty: Bà: Nguyễn Thị Hồng Gấm – Thành viên Hội đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc.

Bà: Nguyễn Thị Thanh Thúy – Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh.

2. Ban kiểm sóat:

a/ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành công ty
1	Nguyễn Hữu Hậu	Trưởng BKS. Từ nhiệm chức vụ vào 12/06/2012.	Giám đốc Cơ điện lạnh
2	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên BKS	Giám Đốc công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật
3	Kiều Thị Nguyễn Tuyết	Thành viên BKS	không

Ông Nguyễn Hữu Hậu – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Nguyễn Hữu Hậu
- Số CMND : 022766358
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1975
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thủ Thừa, Long An
- Địa chỉ thường trú : 4/62 Trần Khắc Chân, P. Tân Định, Q.1, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3.7653.276
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Cơ Điện lạnh (Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Thành phố)

  Chứng chỉ Quản lý Chất lượng HACCP do NAFIQAD cấp

  Chứng chỉ Quản lý Chất lượng ISO do Trung tâm QUATEST 3 cấp
- Quá trình công tác :
  - 1996 – 2002 : Nhân viên Kỹ thuật Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Quận 8

- 2002 – 2007 : Trưởng phòng Cơ điện lạnh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
- 2007 – 2010 : Giám đốc Cơ điện lạnh Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật.
- 2011 – nay : Giám đốc Kinh doanh nội địa Công ty Cổ phần Thủy hải Sản Việt Nhật
- 2008 – nay : Trưởng BKS Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật

- Chức vụ hiện nay: Trưởng BKS kiêm Giám đốc Kinh doanh nội địa Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 14.310 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: do ĐHĐCĐ hàng năm quyết định mức thù lao
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Nguyễn Minh Tuấn
- Số CMND : 022.970.113
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/05/1972
- Nơi sinh : Campuchia
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : 2Q-2R đường số 10, Khu dân cư Bình Hưng, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc : (072) 3.637258
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

+ Cử nhân Khoa học (chuyên nghành Hóa học).

+ Chứng chỉ Quản lý chất lượng HACCP co NAFIQAD cấp.

+ Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO do trung tâm QUATEST3 cấp

- Quá trình công tác :

+ 1997 – 2000 : Nhân viên KCS Công ty Thái Dương.

+ 2000 – 2002 : Nhân viên KCS Công ty Trung Sơn.

+ 2002 – 2003: Nhân viên KCS Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.

+ 2003 – 2004: Nhân viên Phòng Chất lượng Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật

+ 2004 – 2007 : Phó Phòng Chất lượng Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.

+ 2007 – 2008 : Phó Giám Đốc Chất lượng Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật.

+ 2008 – 2010 : Giám Đốc Chất lượng Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật.

+ 2010 – nay : Giám đốc công ty TNHH Một Thành Viên Đồ hộp Phú Nhật.

- Chức vụ hiện nay: Giám Đốc công ty TNHH Một Thành Viên Đồ Hộp Phú Nhật.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.120 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Bà Kiều Thị Nguyễn Tuyết – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : Kiều Thị Nguyễn Tuyết
- Số CMND : 300841205
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 1977
- Nơi sinh : Thuận Mỹ, Châu Thành, Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ấp Bình Khương, Thuận Mỹ, Châu Thành, Long An
- Địa chỉ thường trú : Ấp Bình Khương, Thuận Mỹ, Châu Thành, Long An
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3.7653.276
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Thủy sản (ĐH Thủy sản Nha Trang)
  Chứng chỉ Quản lý Chất lượng HACCP do NAFIQAD cấp
- Quá trình công tác:
  - 2000 – 2002 : Kế toán Tổng hợp Công ty Cổ phần Đông Dương
  - 2002 – 2007 : Nhân viên Lao động Tiền lương Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Việt Nhật.
  - 2007 – nay : Nhân viên Lao động Tiền lương Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
  - 2008 – nay : Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Chức vụ hiện nay: Thành viên BKS kiêm Nhân viên Lao động Tiền lương Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật
- Số cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: do ĐHĐCĐ hàng năm quyết định mức thù lao
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

b/ Hoạt động của Ban kiểm sóat:

Ban Kiểm Soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2012 như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giám sát việc tuân thủ nghị quyết đại hội Cổ đông năm 2012 .
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị , Ban Tổng Giám đốc , kiểm tra việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư trong năm 2012 của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Trao đổi và xem xét cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về kế hoạch khắc phục trước diễn biến khó khăn và phức tạp của kinh tế thế giới và trong nước ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của Công ty nhằm đưa ra các kiến nghị bổ sung phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo chấp hành đúng nguyên tắc luật pháp hiện hành.
- Kiểm tra giám sát các báo cáo Tài chính hàng quý, bán niên nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.
- Kiểm soát trình tự thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định pháp luật và điều lệ công ty.
- Giám sát thực hiện chế độ công bố thông tin của Công ty Niêm yết theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành:

a/ Lương, thưởng, thù lao:

- Tổng mức thù lao của hội đồng quản trị năm 2012 là: 94.800.000 đồng
- Tổng mức thù lao của ban Kiểm soát năm 2012 là: 25.200.000 đồng
- Mức lương Tổng Giám đốc 2012: 216.000.000 đồng.

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:không có.

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:không có.

d/ Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty:

Trong năm 2012 công ty bị nhắc nhở chậm nộp Báo cáo Quản trị 06 tháng đầu năm 2012. Do công ty đang phục vụ công tác kiểm toán 06 tháng đầu năm 2012, bắt đầu từ ngày 27/07/2012, công việc rất bận rộn, nên đến cuối ngày 01/08/2012 công ty mới kịp nộp báo cáo quản trị 6 tháng năm 2012 bằng Fax và file pdf qua email trước cho Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM. Sáng ngày 02/08/2012 công ty đã gửi báo cáo bản gốc.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

- Triển khai chương trình cải tiến hệ thống quản trị Công ty theo kế hoạch chiến lược đã được Hội đồng quản trị thông qua. Tăng số lần họp Hội Đồng Quản Trị trong năm nhằm giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động của ban Tổng Giám Đốc, nhằm đưa ra những giải pháp hiệu quả, kịp thời, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: phụ lục đính kèm.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán: theo quy định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần phụ lục đính kèm.

Kiểm toán độc lập :

Tổ chức độc lập chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty là: CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL

- Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, TP HCM
- Điện thoại: (84-8) 3827 5026 Fax: (84-8) 3827 5027
- Website: www.horwathdtl.com
- E-mail: dtlco@horwathdtl.com.vn
- (Chi tiết và ý kiến trong phụ lục đính kèm)

Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ

+ Sổ sách kế tóan ghi chép rõ ràng, minh bạch, tạo sự thuận lợi cho công tác báo cáo tài chính và kiểm toán.

+ Thực hiện đầy đủ và tuân thủ nghiêm túc các quy định về Tài chính – kế toán theo quy định của Nhà nước.

+ Thực hiện chế độ báo cáo kế toán theo hệ thống kế toán quản trị của công ty.

+ Việc lựa chọn Công ty kiểm toán đúng với Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2012.

+ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN NHỰT

RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty có đầu tư vào một công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn: Sản xuất, mua bán hàng hoá nông – lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*
Ông Nguyễn Văn Nhựt	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thúy	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Thành viên
Ông Lương Công Gia	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*
Ông Nguyễn Văn Nhựt	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

NGUYỄN VĂN NHỰT

RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 13.143/BCKT - 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gởi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 25 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV

Công ty Kiểm toán DTL là thành viên của Hệ thống RSM. Mỗi thành viên của Hệ thống RSM là một công ty tư vấn và kiểm toán độc lập tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Hệ thống RSM không phải là một pháp nhân riêng rẽ ở bất kỳ quốc gia nào.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**97.842.516.642**	**103.035.866.067**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**690.832.145**	**834.234.830**
1. Tiền	111		690.832.145	834.234.830
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	5.2	**56.217.120.692**	**31.813.373.346**
1. Phải thu khách hàng	131		19.802.205.548	13.404.013.733
2. Trả trước cho người bán	132		8.624.656.920	15.136.160.824
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		35.042.929.661	8.297.197.515
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.252.671.437)	(5.023.998.726)
IV. Hàng tồn kho	**140**	5.3	**30.958.924.388**	**49.878.400.105**
1. Hàng tồn kho	141		33.992.870.987	50.305.116.889
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.033.946.599)	(426.716.784)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**9.975.639.417**	**20.509.857.786**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.320.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.830.626.848	2.208.127.908
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	371.273.415	313.695.878
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	5.703.419.154	17.988.034.000

(phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**61.955.847.450**	**80.031.776.343**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**36.764.038.921**	**78.892.719.012**
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	14.258.261.805	30.906.244.035
+ Nguyên giá	222		39.141.749.867	57.030.729.719
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.883.488.062)	(26.124.485.684)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	22.505.777.116	27.270.133.783
+ Nguyên giá	228		23.788.180.116	28.388.180.116
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.282.403.000)	(1.118.046.333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	20.716.341.194
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**20.636.405.631**	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	20.636.405.631	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.555.402.898**	**1.139.057.331**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.139.057.331
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.9	4.555.402.898	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**159.798.364.092**	**183.067.642.410**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**86.276.012.320**	**99.808.102.058**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**86.102.950.320**	**83.952.483.058**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	67.756.069.073	68.507.138.498
2. Phải trả người bán	312	5.10	9.755.151.362	10.470.955.030
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	3.049.869.260	241.208.027
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.535.252.558	2.761.124.761
5. Phải trả người lao động	315	5.12	603.117.851	1.497.665.258
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	2.403.490.216	474.391.484
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**173.062.000**	**15.855.619.000**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	173.062.000	15.855.619.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**73.522.351.772**	**83.259.540.352**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.15	**73.522.351.772**	**83.259.540.352**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.608.854.848	1.608.854.848
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(8.317.213.076)	1.419.975.504
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		**-**	**-**
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**159.798.364.092**	**183.067.642.410**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.939,02	5.933,62
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN CÔNG THƠ	NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	100.089.432.238	88.290.047.581
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	5.253.067.520	203.178.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94.836.364.718	88.086.869.281
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	90.981.212.349	61.469.705.137
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.855.152.369	26.617.164.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.094.397.487	471.568.828
7. Chi phí tài chính	22	6.4	9.075.926.712	11.137.612.804
trong đó, chi phí lãi vay	23		*8.836.296.619*	*7.998.136.835*
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	3.772.341.339	2.860.600.054
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	9.160.853.836	9.255.034.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.059.572.031)	3.835.485.393
11. Thu nhập khác	31		74.780.393	-
12. Chi phí khác	32	6.7	209.790.609	519.447.737
13. Lợi nhuận khác	40		(135.010.216)	(519.447.737)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(14.194.582.247)	3.316.037.656
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		-	1.477.058.606
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.8	(4.555.402.898)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(9.639.179.349)	1.838.979.050
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(9.639.179.349)	1.838.979.050
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.15.4	(1.201)	229

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN CÔNG THƠ	NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		97.232.307.243	91.208.512.361
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(77.030.505.904)	(65.209.907.910)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.363.294.603)	(16.178.857.144)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(8.836.296.619)	(7.998.136.835)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(815.544)	(6.754.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.650.408.001	30.292.455.667
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.099.014.000)	(23.391.621.958)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(1.447.211.426)**	**8.715.690.181**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(1.097.800.000)	(8.077.931.623)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.579.365	63.112.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.071.220.635)**	**(8.014.818.915)**

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		193.755.419.037	217.297.237.463
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(191.372.171.382)	(216.030.958.848)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(270.706.910)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.588.568.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	**40**		**2.383.247.655**	**(592.996.353)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(135.184.406)**	**107.874.913**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**834.234.830**	**723.194.248**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.218.279)	3.165.669
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**690.832.145**	**834.234.830**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN CÔNG THƠ	NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Chủ yếu là sản xuất, mua bán hàng hóa nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất, mua bán hàng hóa nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật	Ấp 10, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%

Vào ngày 31/12/2012, Công ty đã giảm vốn đầu tư tại công ty con và chuyển thành công ty liên kết theo Biên bản họp hội đồng quản trị ngày 18/12/2012.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn gía thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
+ Máy móc thiết bị	02 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
+ Thiết bị dụng cụ quản lý	6 năm
+ Tài sản cố định vô hình	03 - 46 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư 140/2012 TT-BTC, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 30% trong năm 2012 đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến thủy sản.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	629.513.128	673.398.229
Tiền gửi ngân hàng	61.319.017	160.836.601
Tổng cộng	**690.832.145**	**834.234.830**

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	19.802.205.548	13.404.013.733
Trả trước cho người bán	8.624.656.920	15.136.160.824
Các khoản phải thu khác	35.042.929.661	8.297.197.515
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	**63.469.792.129**	**36.837.372.072**
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.252.671.437)	(5.023.998.726)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	**56.217.120.692**	**31.813.373.346**

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu công nhân	14.153.077	8.966.512
Phải thu tiền vay của cán bộ, công nhân viên	265.745.379	243.801.629
Cho nhà cung cấp mượn tiền	6.153.342.530	7.856.392.530
Hàng bao bì, vật tư xuất cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 8	6.371.492.112	-
Phải thu hàng thuỷ sản gửi cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật gia công – xem thêm mục 8	7.269.448.674	-
Phải thu Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật tạm cho mượn vốn kinh doanh – xem thêm mục 8	14.968.747.989	-
Phải thu khác	-	188.036.844
Cộng	**35.042.929.661**	**8.297.197.515**

(Phần tiếp theo ở trang 16)

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng gửi đi bán	-	962.119.213
Nguyên liệu, vật liệu	5.117.333.439	5.835.983.693
Công cụ, dụng cụ	83.374.529	184.920.237
Thành phẩm	28.792.163.019	43.322.093.746
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**33.992.870.987**	**50.305.116.889**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.033.946.599)	(426.716.784)
Giá trị thuần có thể thực hiện	**30.958.924.388**	**49.878.400.105**

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho các khoản nợ vay trong năm – xem thêm mục 5.9

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là thuế nhập khẩu được hoàn lại

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng cho nhân viên mua nguyên vật liệu.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	22.039.347.157	28.818.722.145	5.963.933.048	208.727.369	57.030.729.719
Tăng trong năm	6.561.000.000	77.800.000	-	-	6.638.800.000
Giảm do thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con	(12.519.021.874)	(11.745.730.609)	(54.300.000)	(208.727.369)	(24.527.779.852)
Số dư cuối năm	**16.081.325.283**	**17.150.791.536**	**5.909.633.048**	**-**	**39.141.749.867**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.710.511.598	17.742.227.917	1.559.096.000	112.650.169	26.124.485.684
Khấu hao trong năm	638.946.659	464.863.810	590.400.000	-	1.694.210.469
Giảm do thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con	(1.085.490.598)	(1.706.967.324)	(30.100.000)	(112.650.169)	(2.935.208.091)
Số dư cuối năm	**9.263.967.659**	**16.500.124.403**	**2.119.396.000**	**-**	**24.883.488.062**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	12.328.835.559	11.076.494.228	4.404.837.048	96.077.200	30.906.244.035
Tại ngày cuối năm	**6.817.357.624**	**650.667.133**	**3.790.237.048**	**-**	**14.258.261.805**

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 3.770.997.151 đồng – Xem thêm mục 5.9 và mục 5.14

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.869.988.732 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	28.323.580.116	64.600.000	28.388.180.116
Tăng trong năm	11.439.000.000	-	11.439.000.000
Giảm do thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con	(16.000.000.000)	(39.000.000)	(16.039.000.000)
Số dư cuối năm	**23.762.580.116**	**25.600.000**	**23.788.180.116**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.078.363.000	39.683.333	1.118.046.333
Khấu hao trong năm	178.440.000	-	178.440.000
Giảm do thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con	-	(14.083.333)	(14.083.333)
Số dư cuối năm	**1.256.803.000**	**25.600.000**	**1.282.403.000**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	27.245.217.116	24.916.667	27.270.133.783
Tại ngày cuối năm	**22.505.777.116**	**-**	**22.505.777.116**

Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp các khoản vay ngân hàng là 11.066.777.116 đồng – xem thêm mục 5.9

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 25.600.000 đồng

5.8. Đầu tư vào công ty liên kết

Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật với tỷ lệ đầu tư là 48%

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Vietinbank	18.087.977.699	23.141.899.765
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Nhà Rồng	8.192.731.974	3.015.162.296
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – CN Quận 5	11.949.317.400	11.869.044.080
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	3.170.521.471
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Eximbank	21.138.000.000	27.310.510.886
Ngân hàng Hàng Hải - Maritime Bank	8.388.042.000	-
Tổng cộng	**67.756.069.073**	**68.507.138.498**

Các khoản vay ngân hàng, chịu lãi suất từ 14%/năm đến 17%/năm đối với VND; và 6,5%/năm đến 7,5%/năm đối với khoản vay USD; thời hạn vay tối đa là 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng xuất khẩu thủy sản.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển có giá trị 15 tỷ đồng tại kho số C41/1 đường số 2G, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.HCM đồng - xem thêm mục 5.3; tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.551.753.966 đồng – xem thêm mục 5.6, tài sản vô hình có giá trị còn lại là 11.066.777.116 đồng – xem thêm mục 5.7; bộ chứng từ xuất khẩu, L/C xuất khẩu và các khoản phải thu từ các hợp đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Thủy Hải Sản Việt Nhật.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	9.755.151.362	10.470.955.030
Người mua trả tiền trước	3.049.869.260	241.208.027
Tổng cộng	**12.805.020.622**	**10.712.163.057**

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó phải trả cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật là 391.730.884 đồng – xem thêm mục 8.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	40.212.123
Thuế thu nhập cá nhân	100.460.514	67.105.081
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.434.792.044	2.653.807.557
Tổng cộng	**2.535.252.558**	**2.761.124.761**

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương kỳ 2 tháng 12 năm 2012 còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên Công ty.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	63.612.799	77.412.799
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.482.211.935	294.538.685
Phải trả phí gia công cá ngừ cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 8.	857.665.482	-
Khác	-	102.440.000
Tổng cộng	**2.403.490.216**	**474.391.484**

5.14. Vay và nợ dài hạn

Là các khoản vay dài hạn ngân hàng có thời hạn 36 tháng với lãi suất 14%/năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng xe ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ và xe ô tô Toyota Innova 8 chỗ, có giá trị còn lại là 1.219.243.185 đồng – xem thêm mục 5.6.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.230.710.000	1.608.854.848	2.312.313.944	84.151.878.792
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.838.979.050	1.838.979.050
Trích lập quỹ	-	-	(1.142.749.432)	(1.142.749.432)
Chia cổ tức	-	-	(1.588.568.058)	(1.588.568.058)
Số dư đầu năm nay	**80.230.710.000**	**1.608.854.848**	**1.419.975.504**	**83.259.540.352**
Lợi nhuận trong năm	-	-	(9.639.179.348)	(9.639.179.348)
Trích lập quỹ	-	-	(98.009.232)	(98.009.232)
Số dư cuối năm nay	**80.230.710.000**	**1.608.854.848**	**(8.317.213.076)**	**73.522.351.772**

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	50.718.490.000	50.718.490.000
Vốn góp của các cổ đông khác	29.512.220.000	29.512.220.000
Tổng cộng	**80.230.710.000**	**80.230.710.000**

5.15.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.680.000	8.680.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

5.15.4. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi/(lỗ) hợp nhất sau thuế của cổ đông	(9.639.179.348)	1.838.979.050
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	8.023.071	8.023.071
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	**(1.201)**	**229**

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	100.089.432.238	88.290.047.581
Hàng bán bị trả lại	(5.253.067.520)	(203.178.300)
Doanh thu thuần	**94.836.364.718**	**88.086.869.281**

6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán trong năm.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	26.579.365	63.112.708
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.612.452	408.456.120
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.176.325	-
Lãi do thanh lý công ty con	4.027.029.345	-
Tổng cộng	**4.094.397.487**	**471.568.828**

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.836.296.619	7.998.136.835
Lãi thuê tài chính	-	27.695.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	150.605.681	2.624.234.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.024.412	480.221.543
Khác	-	7.325.352
Tổng cộng	**9.075.926.712**	**11.137.612.804**

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	240.772.817	145.662.014
Chi phí bảo hành	-	20.238.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.241.892.288	1.879.094.488
Chi phí bằng tiền khác	281.676.234	815.615.370
Tổng cộng	**3.772.341.339**	**2.860.600.054**

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.664.829.194	5.221.720.057
Chi phí vật liệu quản lý	96.447.300	106.847.516
Chi phí đồ dùng văn phòng	32.648.932	472.727
Thuế, phí, lệ phí	143.690.205	3.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	287.907.128	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.492.116.744	2.991.878.344
Chi phí bằng tiền khác	443.214.333	931.116.077
Tổng cộng	**9.160.853.836**	**9.255.034.721**

6.7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Nộp phạt chậm đóng bảo hiểm xã hội	174.786.070	159.134.101
Chi phí khác	35.004.539	341.250.000
Phí lưu ký sổ cổ đông	-	19.063.636
Tổng cộng	**209.790.609**	**519.447.737**

6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty được trình bày như sau:

	Chuyển lỗ
Số dư đầu năm nay	-
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm nay	(4.555.402.898)
Số dư cuối năm	**(4.555.402.898)**

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.138.375.434	45.809.402.423
Chi phí nhân công	17.391.378.454	15.190.858.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.872.650.466	4.210.310.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.793.465.475	5.812.161.227
Chi phí khác bằng tiền	10.581.377.153	6.881.348.612
Tổng cộng	**86.777.246.982**	**77.904.080.397**

7. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ có hoạt động sản xuất chế biến thủy sản nên báo cáo tài chính đã trình bày đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	28.609.688.675	-
Phải trả - Xem thêm mục 5.10 và 5.13	(1.249.396.366)	-

- Giao dịch giữa Công ty và công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị công ty mẹ	109.400.000	114.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ	472.518.000	314.250.000
Tổng cộng	**581.918.000**	**428.250.000**

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	690.832.145	834.234.830
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.578.310.695	16.480.209.166
Tổng cộng	**48.269.142.840**	**17.314.443.996**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	67.929.131.073	84.362.757.498
Phải trả người bán và phải trả khác	10.612.816.844	10.470.955.030
Tổng cộng	**78.541.947.917**	**94.833.712.528**

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Công nợ		Tài sản	
31/12/2012	**01/01/2012**	**31/12/2012**	**01/01/2012**
591.260,05 USD	2.030.396,32 USD	1.939,02 USD	657.626,93 USD

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	10.612.816.844	-	10.612.816.844
Các khoản vay	67.756.069.073	173.062.000	67.929.131.073

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	10.470.955.030	-	10.470.955.030
Các khoản vay	68.507.138.498	15.855.619.000	84.362.757.498

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.578.310.695	-	47.578.310.695

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.480.209.166	-	16.480.209.166

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2013.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN CÔNG THƠ	NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
H. BÌNH CHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH